



Travel Culture Career Study

TOP 50 OPTIMISTIC PHRASAL VERBS

Positive inspiration for business &
daily conversation



Index:

1	Why should English learners learn phrasal verbs?.....	03	➤
	<i>Vì Sao Bạn Học Tiếng Anh Không Thể Bỏ Qua Phrasal Verbs?</i>		
2	Tips for learning phrasal verbs more effectively.....	10	➤
	<i>Mẹo Giúp Bạn Học Cụm Động Từ Hiệu Quả Hơn</i>		
a	Jobs Or Work:.....	15	
b	Travel:.....	20	
c	Money:.....	25	
d	Relationships:.....	30	
e	Emotions:.....	35	
3	Quizzes.....	40	➤
4	References.....	51	➤

Start with part 1





1. WHY SHOULD ENGLISH LEARNERS LEARN PHRASAL VERBS?

VÌ SAO BẠN HỌC TIẾNG ANH KHÔNG THỂ BỎ QUA PHRASAL VERBS?



A phrasal verb is the combination of a main verb with an adverb or a preposition (in, on, to, at, etc.), or both. It can be said that learning them is really essential to English learners, for the reasons below:



Cụm động từ (phrasal verb) là cụm được tạo thành bởi một động từ chính với một trạng từ (adverb), hoặc một giới từ (preposition), hoặc cả hai. Việc tích lũy cho mình vốn cụm động từ là rất quan trọng khi bạn học Tiếng Anh, với những lý do sau đây:



1. Native English speakers use phrasal verbs **all the time and everywhere**

90% người bản ngữ sử dụng cụm động từ MỌI LÚC MỌI NƠI



Phrasal verbs are prevalent in everyday spoken and written English, and native English speakers use them almost without thought.



Cụm động từ xuất hiện trong mọi hình thức giao tiếp, văn hóa, giải trí của người bản ngữ. Chúng đóng vai trò quan trọng về nghĩa và thể hiện sự tự nhiên khi giao tiếp.



2. Their meanings cannot be derived from just understanding each word

Nghĩa của cụm đồng từ không dựa trên nghĩa các từ cấu thành



Have you ever got lost in conversation even though you can clearly hear every single word? It's probable that the person you are talking to is using lots of phrasal verbs.



Do đó, trong nhiều trường hợp, tuy có thể nghe rõ được người nước ngoài nói gì nhưng chưa chắc bạn đã hiểu nghĩa nếu không nắm vững cụm động từ.



3. Phrasal verbs help you have more natural and friendlier communication

Cụm động từ giúp bạn giao tiếp thoải mái và thân thiện hơn



It's due to the fact that native English speakers use phrasal verbs in their daily speaking. Moreover, sticking to common, formal ways of speaking may lead you to sounding pompous or ridiculous.



Việc dùng cụm động từ sẽ giúp bạn kéo gần khoảng cách khi giao tiếp, tránh rơi vào lối mòn sử dụng các từ phổ biến, tạo cảm giác nghiêm túc thái quá hoặc kỳ quặc trong nhiều ngữ cảnh.



4. More chances of high scores in English tests

Để đạt điểm cao hơn trong các kỳ thi



They help you to avoid tricks in reading test and listening test because you understand not just the individual words, but the combinations into phrasal verbs.



Dùng cụm động từ sẽ giúp chất lượng bài thi của bạn được cao hơn. Thêm vào đó, bạn cũng sẽ tránh được nhiều “bẫy” trong các đề thi Reading và Listening quốc trong nhiều ngữ cảnh.



Keep this ebook **"TOP 50 OPTIMISTIC PHRASAL VERBS"** in hand and practice if you want to conquer English faster. It is designed for learners of all levels. You will find it helpful for daily talks, business conversation, and it can be used as a self-study guide for examinations. In addition, the positive theme of these phrasal verbs will inspire you for better attitude throughout the day.

For better guidance and assistance customized just for you, as well as an English speaking environment to practice, please feel free to contact **Wall Street English** now! With years of experiences teaching busy learners and beginners, we know the fastest route to fluency and how to solve your learning problems.



Hãy luôn giữ cẩm nang **"TOP 50 OPTIMISTIC PHRASAL VERBS"** này bên mình và học thường xuyên nếu bạn muốn chinh phục Tiếng Anh nhanh hơn nữa. Nội dung từ vựng được thiết kế thân thiện với mọi trình độ người học. Bạn sẽ tìm thấy những cụm động từ hữu ích cho hội thoại hàng ngày, cho giao tiếp công việc hoặc một cuốn cẩm nang luyện thi các chứng chỉ. Thêm vào đó, tinh thần lạc quan do những cụm động từ mang lại sẽ truyền cảm hứng cho bạn suốt ngày dài.

Để có được định hướng và hỗ trợ dành riêng cho bạn, kèm môi trường bản ngữ để luyện tập, đừng ngần ngại liên lạc **Wall Street English**! Với kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy cho người học bận rộn và người mới bắt đầu, Wall Street English có ngay lộ trình học nhanh nhất kèm giải pháp cho vấn đề học Tiếng Anh của bạn.



2. TIPS TO LEARN PHRASAL VERBS MORE EFFECTIVELY

MẸO GIÚP BẠN HỌC CỤM ĐỘNG TỪ HIỆU QUẢ HƠN



Phrasal verbs are a challenge to most English learners. However, they are totally conquerable if you follow these tips below:



Học cụm động từ Tiếng Anh vẫn là thử thách nhưng sẽ là thử thách dễ vượt qua khi bạn nắm vững những phương pháp sau:



1. Learn by theme

Học theo chủ đề



Group your phrasal verbs into categories by theme, e.g.: cooking, travel, jobs, interests, verb (put, take, bring, etc.), etc. This method will help you systemize your learning and make it easier to adapt for a specific context.



Hãy chia các cụm động từ của bạn theo chủ đề. VD: nấu ăn, du lịch, công việc, sở thích, theo động từ (put, take, bring,...),... Việc lưu trữ và ghi nhớ kiến thức này sẽ giúp bạn hệ thống từ vựng và dễ sử dụng trong những ngữ cảnh cụ thể (giao tiếp, làm bài thi,...).



2. Practice in context

Vận dụng trong ngữ cảnh



Practices make perfect! Start with 5 phrasal verbs per day and try to practice using them immediately in context. You can practice with friends, colleagues or find an English speaking environment with teacher support such as Wall Street English.



Học phải đi đôi với hành. Hãy chia nhỏ mục tiêu, ví dụ mỗi ngày học 5 cụm động từ, và cố gắng áp dụng ngay sau khi học. Bạn có thể luyện tập cùng bạn bè, đồng nghiệp hoặc tìm kiếm cho mình môi trường bản ngữ với giáo viên hỗ trợ như tại Wall Street English.



3. Join an English speaking club

Tham gia các câu lạc bộ luyện nói



The strong points of these English speaking clubs are interesting activities, flexible topics and a good community to practice. At Wall Street English, we have our monthly clubs with FREE ENTRANCE open for everyone. Join us here.

START CONQUERING PHRASAL VERBS WITH WALL STREET ENGLISH!



Ưu điểm của các câu lạc bộ này chính là nội dung sinh hoạt thú vị, chủ đề thay đổi thường xuyên và môi trường tập trung những người học có cùng mục đích luyện nói. Tại Wall Street English luôn có các câu lạc bộ hoàn toàn MIỄN PHÍ cho bạn tham gia. Tham khảo ngay tại đây.

HÃY CÙNG WALL STREET ENGLISH BẮT ĐẦU CHINH PHỤC CỤM ĐỘNG TỪ!

a. Jobs or Work:

To bail out

Meaning: to help a person or business in difficulty/
giúp đỡ cá nhân, doanh nghiệp vượt khó khăn.

E.G.:

He was bailed out by his teammates!

To bring off

Meaning: to succeed in achieving something difficult/
vượt qua khó khăn một cách thành công.

E.G.:

He brought off his scholarship plan last month.





To cash up

Meaning: to count all the money at the end of the working day/
kiểm kê tài chính vào cuối ngày.

E.G.:

The cashier is supposed to cash up every evening.

To drum up

Meaning: to try and increase interest in something/
cố gắng tăng lợi nhuận.

E.G.:

We have a new product to drum up next year!

To get ahead

Meaning: to be successful in your work or your life/
thành công trong công việc và cuộc sống.

E.G.:

Everybody wants to get ahead in their career.

To knuckle down

Meaning: to stop being distracted and to focus on work/
ngừng xao lãng và tập trung làm việc.

E.G.:

It's time we knuckled down.





To measure up

Meaning: to be good enough; to have the necessary abilities, skills or qualities./
đủ tiêu chuẩn, trình độ, phẩm chất.

E.G.:

Jane is selected as she measures up to all the criteria.

To smarten up

Meaning: to make someone look tidier, more attractive, or cleaner/
làm ai đó trông gọn gàng, hấp dẫn hoặc sạch sẽ hơn.

E.G.:

Since his marriage, his wife smartens him up.

To step up

Meaning: to work harder at something to improve the situation/
nỗ lực làm việc hơn để cải thiện tình hình.

E.G.:

The team decides to step up their efforts for goal achievement.

To team up

Meaning: to join another person or group, in order to
do something together/
ghép nhóm, tạo thành nhóm mới để làm việc.

E.G.:

Five people teamed up for the project.





b. Travel:

To check in

Meaning: to register at a hotel/
làm thủ tục nhận phòng.

E.G.:

He checks in at noon.

To check out

Meaning: to leave and pay for your stay at a hotel/
làm thủ tục trả phòng.

E.G.:

You must check out no later than 2pm.



To pick up

Meaning: to go to a place and collect something or someone/
đón ai đó.

E.G.:

Remember to pick me up tomorrow morning!

To drop off

Meaning: to take someone to a place and leave them there/
đưa ai đến nơi nào đó.

E.G.:

She drops her kids off at the school gate.





To get away

Meaning: to go somewhere for a break or holiday/
đi đâu đó để du lịch hoặc nghỉ ngơi.

E.G.:

It's good get away for a holiday!

To get in

Meaning: to arrive at the destination (bus, train, car, etc.)/
vào bến đỗ.

E.G.:

The bus will get in at 3pm, as scheduled.



To get on

Meaning: to go to a public vehicle/
lên một phương tiện di chuyển.

E.G.:

She gets on a train for her new adventure.

To hurry up

Meaning: do something more quickly/
làm gì đó nhanh hơn.

E.G.:

Hurry up! The bus is leaving!





To look around

Meaning: to explore a place/ khám phá nơi nào đó.

E.G.:

Jane arrives one day earlier so that she can spend time looking around.

To speed up

Meaning: to move or function at a faster or higher rate/ tăng tốc độ.

E.G.:

He speeds up to get to the office on time.

c. Money:

To beat something down

Meaning: to persuade the seller to accept a lower price/
mặc cả thành công.

E.G.:

The souvenir was sold at \$45 but she manages to beat it down to \$5.

To break into

Meaning: to start to use money that you have saved/
dùng tiền tiết kiệm.

E.G.:

The company intends to break into the emergency budget.





To pay back

Meaning: to return money owed to someone/
trả số tiền đã nợ.

E.G.:

After 5 years, I have finally able to pay back my bank loan.

To put aside

Meaning: to save something for a specific, later purpose/
để dành ra một khoản tiền.

E.G.:

Jane puts aside money for her next year of college.

To sell out

Meaning: To sell all of something/
bán cháy hàng.

E.G.:

The new collection is sold out within 3 days.

To shop around

Meaning: To check the price of an item in different
shops before buying/
tham khảo giá trước khi mua.

E.G.:

You are advised to shop around before buying anything.





To splash out

Meaning: to spend money freely/
tiêu xài thoải mái.

E.G.:

She splashed out on a Gucci bag.

To stock up

Meaning: to get a large quantity of something for later use/
dự trữ lượng lớn đồ vật.

E.G.:

Due to the flood, families are recommended to stock up on food.

**To tide over**

Meaning: to help someone with money for a period of time/
hỗ trợ tài chính.

E.G.:

The money from my parents will tide me over until I find a new job.

To save up

Meaning: to keep money for a large expense in the future/
tiết kiệm khoản tiền lớn cho tương lai.

E.G.:

John saves up for his marriage next year.





d. Relationships:

To ask someone out

Meaning: To invite someone out for a date/
mời ai đó đi hẹn hò.

E.G.:

You should ask her out sometime.

To cuddle up with somebody

To sit or lie very close to someone and put your arms
around them/
ôm ấp, thân mật với ai đó.

E.G.:

We cuddled up together and tried to get warm.



To fall for

Meaning: To be attracted to and start to love someone/
đột nhiên bị thu hút và yêu thích ai đó.

E.G.:

She always falls for older men.

Get on with somebody

Meaning: Have a good relationship with somebody/
có mối quan hệ tốt đẹp với người nào đó.

E.G.:

There is no woman good enough to get on with a bad man.





Get together

Meaning: To join or to meet up with/
tham gia hoặc gặp gỡ nhiều người.

E.G.:

Shall we get together on Friday and have a drink?

To go along with

Meaning: To agree with somebody/something/
đồng tình với một ai đó hoặc một vấn đề nào đó.

E.G.:

I'll go along with whatever she says.

To hit on someone

Meaning: Demonstrate romantic interest/
cho thấy sự hứng thú về mặt tình cảm dành cho ai đó.

E.G.:

Some guys hit on me while I was standing at the bar.

To hit it off with someone

Meaning: To get along very well together/
rất hòa thuận.

E.G.:

We had similar ideas about the show, and the two of us hit it off away.





To look up to

Meaning: to respect and admire someone/
tôn trọng và ngưỡng mộ.

E.G.:

Jenny's always looked up to her mother-in-law.

To settle down

Meaning: Be in a long-term, stable relationship/
có một mối quan hệ lâu dài, ổn định.

E.G.:

Eventually, I'd like to settle down with him and have a family, but not yet.



e. Motion:

To calm down

Meaning: to stop feeling upset/
bình tĩnh lại.

E.G.:

What she said really made me calm down!

To perk up

Meaning: to make someone cheerful/
tỏ ra vui vẻ để làm ai đó vui lòng.

E.G.:

Jane's joking really perked up her dad.





To lift someone's mood

Meaning: to make someone feel more cheerful and hopeful/
vực dậy tâm trạng.

E.G.:

The comedy show lifts my mood.

To fire someone up

Meaning: to make someone become excited/
động viên, truyền cảm hứng.

E.G.:

The football coaches fire the players up.



To bubble over

Meaning: to be very excited and enthusiastic/
cực kỳ hứng khởi

E.G.:

The customer was bubbling over with praise for the company.

To cheer up

Meaning: to make someone feel happier/
làm ai thấy vui hơn.

E.G.:

The dog cheers his owner up easily.





To crack up

Meaning: To laugh a lot/
làm ai cười nhiều.

E.G.:

Everyone cracked up at Max's jokes.

Grow on someone

Meaning: to become increasingly liked or enjoyed by
someone/
được ai đó càng ngày yêu thích.

E.G.:

Indie music grows on me.



Get carried away

Meaning: to make someone very excited and lose control/
khiến ai đó vui đến mất kiểm soát.

E.G.:

The crowd was carried away by the music.

Get over something

Meaning: to return to your usual state of health or happiness/
khỏe trở lại hoặc vui trở lại

E.G.:

She has just got over her feelings of lovesickness.





3. QUIZZES

BÀI TẬP



1. Matching questions

Match the phrasal verbs with its correct meaning

- | | |
|------------------------------------|--|
| 1. _____ To bubble over | A. to return to your usual state of happiness |
| 2. _____ To drop off | B. to feel more cheerful |
| 3. _____ To look around | C. to make someone cheerful |
| 4. _____ Get on with somebody | D. to be very excited and enthusiastic |
| 5. _____ To get ahead | E. to take someone to a place and leave them there |
| 6. _____ To knuckle down | F. to explore a place |
| 7. _____ To bail out | G. to be successful in your work or your life |
| 8. _____ To perk up | H. to have a good relationship with somebody |
| 9. _____ To lift someone's mood up | I. to stop being distracted and to focus on work |
| 10. _____ Get over something | J. to help a person or business in difficulty |



2. Multiple choices

1. _____ means to succeed in achieving something difficult means.

- A. To bring off
- B. To fire someone up
- C. To settle down
- D. To cash up

2. _____ means to try and increase interest in something, or support for something.

- A. To measure up
- B. To drum up
- C. To crack up
- D. To cuddle up



3. _____ means to go somewhere for a break or holiday.

- A. Grow on someone
- B. Get carried away
- C. To calm down
- D. To get away

4. _____ to get along very well together.

- A. To ask someone out
- B. To look up to
- C. To hit it off with someone
- D. To settle down



5. Terry _____ off the examination with the highest mark.

- A. dances
- B. jumps
- C. makes
- D. brings

6. The price was pretty high, but she manages to _____ it down.

- A. played
- B. laid
- C. beat
- D. screamed



7. Mary loves _____ up with her mom and sleeping in her warm arms.

- A. dreaming
- B. cuddling
- C. eating
- D. chatting

8. The man tells such a funny joke that makes the lady _____ up.

- A. crack
- B. burn
- C. climb
- D. sleep



9. Let's _____ together this Christmas Eve!

- A. sing
- B. kick
- C. run
- D. get

10. You'd better _____ up for your children's future. Education needs money.

- A. save
- B. talk
- C. see
- D. build



3. True/ False

1. To grow on someone means to become increasingly liked or enjoyed by someone.

- A. TRUE
- B. FALSE

2. To get carried away means to laugh a lot.

- A. TRUE
- B. FALSE

3. To step up means to move ahead.

- A. TRUE
- B. FALSE



4. To smarten up means to make someone look tidier, more attractive, or cleaner.

- A. TRUE
- B. FALSE

5. To shop around means to stop feeling upset.

- A. TRUE
- B. FALSE



We hope you can find the inspiration and help to expand your English knowledge with this e-Book.

You can visit our homepage for more information on ways to improve your English skills:

<https://wallstreetenglish.edu.vn/>

(Scroll down for answers)



Chúng tôi hy vọng bạn tìm thấy nguồn cảm hứng để mở rộng kiến thức của mình về tiếng Anh thông qua cẩm nang trực tuyến này.

Để tìm hiểu thêm thông tin, bạn có thể truy cập vào website:

<https://wallstreetenglish.edu.vn/>

(Lướt xuống để đọc đáp án)



Answer

MATCHING QUESTIONS

1.D 2.E 3.F 4.H 5.G 6.I 7.J 8.B 9.C 10.A

MULTIPLE CHOICES

1.A 2.B 3.D 4.C 5.D 6.C 7.B 8.A 9.D 10.A

TRUE/ FALSE

1.A 2.B 3.B 4.A 5.B



References

<https://www.espressoenglish.net/10-phrasal-verbs-about-emotions/>

<https://www.ecenglish.com/learnenglish/lessons/phrasal-verbs>

<https://www.thoughtco.com/phrasal-verbs-about-money-1212330>

<https://online-english-lessons.eu/wordpress/wp-content/uploads/2012/03/50-phrasal-verbs-for-work-and-business.pdf>

<https://quizlet.com/130683685/phrasal-verbs-for-romantic-relationships-flash-cards/>





We hope you can find inspiration and help in expanding your English knowledge with this eBook. To download other FREE eBook about learning English tips, you can follow this link [here](#).

Wall Street English tailors courses to meet your needs. Moreover, because we believe that learning English is fun, we organize many events with different topics and activities. You can visit [here](#) to join our FREE events.



Chúng tôi hy vọng bạn tìm thấy nguồn cảm hứng để mở rộng kiến thức của mình về tiếng Anh thông qua quyển eBook này. Để tải về MIỄN PHÍ những quyển eBook khác về bí quyết học tiếng Anh, bạn hãy truy cập vào [đây](#).

Wall Street English thiết kế các khóa học nhằm đáp ứng những nhu cầu của bạn. Chúng tôi tin rằng việc học tiếng Anh nên là quá trình để tận hưởng, vì vậy, Wall Street English tổ chức nhiều sự kiện với đa dạng chủ đề và hoạt động. Bạn có thể tham gia các sự kiện MIỄN PHÍ tại [đây](#).